

Số: 805/BC-SNN

Trà Vinh, ngày 16 tháng 11 năm 2018

BÁO CÁO

Tình hình thực hiện nhiệm vụ tháng 11 và kế hoạch tháng 12 năm 2018 (Tính đến ngày 15/11/2018)

Sản xuất nông nghiệp có một số thuận lợi như: Các loại dịch bệnh nguy hiểm trên cây trồng, vật nuôi được kiểm soát; giá lúa, tôm sú, tôm thẻ chân trắng, cá tra, cá lóc duy trì ở mức cao; giá dừa khô, thanh long đã tăng trở lại; các chính sách đầu tư trong nông nghiệp tiếp tục triển khai thực hiện; phần lớn các công tác chuyên môn thực hiện đạt tiến độ đề ra. Tuy nhiên, sóng to kết hợp triều cường làm sạt lở đoạn kè biển xã Hiệp Thạnh; nghêu nuôi bị thiệt hại nặng tại xã Long Hòa (huyện Châu Thành) và xã Mỹ Long Nam (huyện Cầu Ngang); đàn heo giảm mạnh. Nhưng được Tỉnh ủy, Hội đồng Nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh quan tâm, chỉ đạo, giúp đỡ; các ngành, các cấp trong tỉnh tích cực phối hợp, hỗ trợ; cùng với sự nỗ lực, phấn đấu của toàn ngành và hưởng ứng, tham gia nhiệt tình của người dân, cộng đồng doanh nghiệp trong tỉnh nên các nhiệm vụ đều cơ bản hoàn thành theo kế hoạch đề ra, cụ thể như sau:

I. NHỮNG KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

1. Công tác tham mưu, chỉ đạo điều hành

Trình Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư Tiểu Dự án kiểm soát nguồn nước thích ứng với biến đổi khí hậu vùng Nam Măng Thít, dự án chống chịu khí hậu tổng hợp và sinh kế bền vững Đồng bằng Sông Cửu Long.

Tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh: Phê duyệt Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp tỉnh Trà Vinh đến năm 2020, định hướng năm 2030; phê duyệt kế hoạch phát triển chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Trà Vinh 2019.

Lập lại dự toán 02 đề án: Đề án phát triển cây trồng, vật nuôi tạo sản phẩm chủ lực và Đề án phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh để lấy ý kiến Sở Tài chính trình UBND tỉnh cho chủ trương thực hiện.

Hoàn chỉnh kế hoạch thực hiện chuyển đổi Trung tâm Nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn trực thuộc Sở thành Công ty cổ phần.

Chỉ đạo xây dựng phương án tự chủ tài chính đảm bảo chi phí thường xuyên của Ban Quản lý Cảng cá và Trung tâm Giống.

2. Kết quả sản xuất nông, lâm, diêm nghiệp, thủy sản

a) Trồng trọt

- Cây lúa: Vụ Thu Đông xuống giống dứt điểm 79.272 ha, vượt kế hoạch 1.272 ha, giảm 2.405 ha so cùng kỳ; đã thu hoạch 6.167 ha, năng suất đầu vụ đạt 4,98 tấn/ha. Vụ mùa đã xuống giống 1.752 ha, vượt kế hoạch 152 ha, trong đó cấy mùa 1.341 ha. Sâu bệnh xuất hiện rải rác với diện tích 1.192 ha, các đối

tượng gây hại chủ yếu như bệnh đạo ôn lá, đạo ôn cổ bông, lem lép hạt, bạc lá, đốm vằn và chuột gây hại ở mức độ nhẹ.

- Cây màu, cây công nghiệp ngắn ngày và cây hàng năm khác: Gieo trồng 2.850,48 ha, nâng đến nay gieo trồng 53.636 ha (cao hơn cùng kỳ 1.584 ha), đạt 96,8% kế hoạch, gồm: Màu lương thực 6.413 ha, màu thực phẩm 31.077 ha, cây công nghiệp ngắn ngày và cây hàng năm khác 16.146 ha. Diện tích và mức độ nhiễm sâu, bệnh không đáng kể.

b) Chăn nuôi: Trong tháng giá heo hơi giảm 4.000 đồng/kg, kết hợp với heo giống kháng hiếm làm cho người nuôi không mua được con giống nên lượng tái đàn thấp dẫn đến tổng đàn giảm mạnh. Bên cạnh những khó khăn trên, tình hình chăn nuôi của tỉnh cũng nhận được tín hiệu khả quan, tỉnh đang tập trung phát triển đàn bò nhằm cung cấp thực phẩm cho xã hội theo hướng nuôi bò vỗ béo giết thịt, người nuôi tận dụng được nguồn cỏ trồng xung quanh nương vườn, bờ bao và kết hợp thức ăn công nghiệp nên giảm được chi phí giá thành, mặt khác giá bò thịt luôn ở mức cao và ổn định nên lượng tái đàn tăng; đàn gia cầm phát triển mạnh, chủ yếu là gà thả vườn do thị trường tiêu thụ tương đối ổn định và giá cao. Tổng đàn vật nuôi tại thời điểm 01/10 như sau: Đàn trâu, bò 213.550 con, tăng 4.168 con so cùng kỳ, đàn heo 248.549 con, giảm 72.043 con, dê 19.391 con, giảm 399 con; gia cầm 4,886 triệu con, tăng 786 ngàn con.

c) Lâm nghiệp:

Tổ chức giao 47.000 cây lâm nghiệp phân tán, trồng 35 ha rừng tập trung, tổ chức 130 lượt tuần tra bảo vệ rừng và kiểm soát lâm sản; tổ chức 16 cuộc tuyên truyền pháp luật về bảo vệ và phát triển rừng cho 480 người dự. Nâng tổng số đến nay tổ chức giao 125.000 cây giống lâm nghiệp phân tán, vượt 66% kế hoạch; trồng mới 75 ha rừng tập trung, chăm sóc 713 ha, khoán bảo vệ 5.160 ha (chuẩn bị công tác nghiệm thu phúc tra); tổ chức 973 lượt tuần tra bảo vệ rừng và kiểm soát lâm sản, phát hiện và xử lý 17 trường hợp vi phạm; cấp 29 giấy phép xuất bán động vật hoang dã. Tuyên truyền, vận động 75 hộ dân sống tiếp giáp với rừng ký cam kết sử dụng lửa an toàn. Trong tháng có 305 cây rừng được bị chết do ảnh hưởng việc thi công Dự án đầu tư hạ tầng phục vụ nuôi tôm công nghiệp xã Long Vĩnh, huyện Duyên Hải.

d) Thủy sản:

Sản lượng thu hoạch trong tháng 21.532 tấn. Nâng sản lượng thu hoạch 189.857 tấn, đạt 94,2% kế hoạch, tăng 14.878 tấn so cùng kỳ, cụ thể:

- Nuôi thủy sản: Thả nuôi 1.270 ha, thu hoạch 14.518 tấn (2.557 tấn cá lóc, 1.408 tấn tôm sú, 3.926 tấn tôm thẻ chân trắng,...). Nâng đến nay diện tích thả nuôi 39.237 ha, thu hoạch 113.321 tấn, đạt 89,3% kế hoạch, cao hơn cùng kỳ 9.246 tấn, trong đó:

+ Vùng nước mặn, lợ: Thả nuôi 39,7 triệu con tôm sú giống, diện tích 159 ha; 167 triệu con tôm thẻ chân trắng, diện tích 228 ha; 03 triệu con cua biển, diện tích 532 ha; 04 ha nuôi tôm siêu thâm canh 02 giai đoạn; thu hoạch 6.123 tấn. Nâng tổng số đến nay thả nuôi 1,66 tỷ con tôm sú giống, diện tích 24.964 ha; 4,8 tỷ con tôm thẻ chân trắng, diện tích 7.741 ha; 218 triệu con cua biển, diện tích 1.746 ha; 193 ha nuôi tôm siêu thâm canh 02 giai đoạn; thu hoạch 59.954 tấn (cao hơn cùng kỳ 11.275 tấn). Tính từ đầu vụ nuôi đến nay, nhiệt độ ngày và đêm

chênh lệch lớn làm cho môi trường ao nuôi biến động ảnh hưởng đến sức khỏe tôm nuôi đã làm thiệt hại rải rác ở các xã nuôi của huyện Cầu Ngang, Duyên Hải và thị xã Duyên Hải ở giai đoạn 30-60 ngày tuổi và có dấu hiệu của bệnh đốm trắng, đỏ thân, hoại tử gan tụy,... đã làm thiệt hại 147 triệu con tôm sú giống (chiếm 9% lượng con giống thả nuôi), diện tích 688 ha (chiếm 2,7%); 795 triệu con tôm thẻ chân trắng (chiếm 16% lượng con giống thả nuôi), diện tích 1.307 ha (chiếm 16,8%). Nghêu nuôi tại các tổ hợp tác và hợp tác xã trên địa bàn xã Long Hoà, huyện Châu Thành và xã Mỹ Long Nam huyện Cầu Ngang bị thiệt hại tỉ lệ từ 90-100% với diện tích 246 ha, chiếm 29,1% diện tích thả nuôi. Kết quả phân tích mẫu nghêu chết là do nhiễm ký sinh trùng.

+ Vùng nước ngọt: Thả nuôi 62,5 triệu con tôm, cá giống các loại, diện tích 351 ha (cá lóc 3,5 triệu con, diện tích 14,9 ha, cá tra 2,6 triệu con, diện tích 3,23 ha); thu hoạch 8.395 tấn. Nâng đến nay thả nuôi 328,8 triệu con tôm, cá giống các loại, diện tích 3.924 ha (cá lóc 112 triệu con, diện tích 251 ha, cá tra 27,2 triệu con, diện tích 65,13 ha); thu hoạch 53.367 tấn, đạt 74,8% kế hoạch, thấp hơn cùng kỳ 2.029 tấn.

- Khai thác thủy sản: Trên địa bàn tỉnh có 1.195 tàu cá được đăng ký, tổng công suất 139.536 CV (314 tàu có công suất từ 90 CV trở lên, tăng 01 tàu). Sản lượng khai thác 7.014 tấn (1.441 tấn tôm). Nâng tổng sản lượng đến nay sản lượng khai thác 76.536 tấn (11.318 tấn tôm), đạt 102,5% kế hoạch, cao hơn cùng kỳ 5.631 tấn, trong đó:

+ Khai thác nội đồng: Sản lượng đạt 731 tấn (254 tấn tôm). Nâng đến nay đạt 10.640 tấn (3.113 tấn tôm), đạt 91,7% kế hoạch, cao hơn cùng kỳ 134 tấn.

+ Khai thác hải sản: Sản lượng đạt 6.283 tấn (1.187 tấn tôm). Nâng tổng số đến nay đạt 65.896 tấn (8.205 tấn tôm), đạt 104,4% kế hoạch, cao hơn cùng kỳ 5.497 tấn.

Thu mua, chế biến: Các doanh nghiệp thu mua 1.099 tấn thủy sản (tôm sú 201 tấn, tôm thẻ 774 tấn), chế biến 839 tấn, tiêu thụ 781 tấn, kim ngạch xuất khẩu 07 triệu USD. Nâng tổng sản lượng các doanh nghiệp thu mua 12.061 tấn thủy sản (tôm sú 1.515 tấn, tôm thẻ 6.706 tấn), chế biến 7.349 tấn, tiêu thụ 5.853 tấn, kim ngạch xuất khẩu 46,4 triệu USD.

đ) Phát triển nông thôn:

Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới: Các địa phương tổ chức lồng ghép 247 cuộc tuyên truyền cho trên 8.394 lượt người, công nhận 4.146 hộ. Nâng tổng số đến nay lồng ghép 2.629 cuộc tuyên truyền cho trên 77.006 lượt người; công nhận 157.655 hộ (đạt 70,6% số phát động) và 244 ấp (chiếm 35,7%) đạt chuẩn nông thôn mới. Kết quả thực hiện nhóm tiêu chí có 30 xã công nhận đạt chuẩn nông thôn mới, 09 xã đạt 15 - 18 tiêu chí; 25 xã đạt từ 10 - 14 tiêu chí, 21 xã đạt dưới 10 tiêu chí; số tiêu chí đạt bình quân/xã là 13,3 tiêu chí, so cùng kỳ tăng 0,8 tiêu chí/xã. Đến nay các địa phương triển khai thực hiện các công trình cơ bản và đầu tư hỗ trợ phát triển sản xuất nâng cao thu nhập người dân, giải ngân 99 tỷ đạt 44,5% nguồn vốn phân bổ. Rà soát, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới của 11 xã đăng ký, phấn đấu đạt chuẩn NTM năm 2018.

Chương trình bố trí dân cư: Báo cáo kết quả khảo sát thực tế đánh giá hiệu quả đầu tư các hạng mục còn lại của dự án Di dân sạt lở ấp Cồn Phụng, xã Long Hòa, huyện Châu Thành. Phối hợp với UBND xã Trường Long Hòa tiếp tục vận động các hộ dân sớm xây dựng nhà ở trong khu tái định cư.

Kinh tế hợp tác: Phối hợp với Phòng Nông nghiệp và PTNT các huyện Cầu Kè, Càng Long, Cầu Ngang và UBND các xã Hòa Tân, Huyền Hội, Kim Hòa khảo sát vị trí lắp đặt pano tuyên truyền về HTX kiểu mới; tổ chức 47 lớp tập huấn củng cố, thành lập mới tổ hợp tác, hợp tác xã và tuyên truyền nâng cao nhận thức về hợp tác xã kiểu mới cho 1.410 lượt người dự, đã giải ngân 227 triệu đồng, đạt 90% kế hoạch.

Ngành nghề nông thôn: Hoàn thành Kế hoạch và chuẩn bị tổ chức Hội thảo “Nông dân làm nông nghiệp thời đại 4.0” trong khuôn khổ Tuần lễ Văn hóa, Du lịch - Liên hoan ẩm thực Nam bộ gắn với Lễ hội Ok-Om-Bok năm 2018; chọn mua 01 máy gieo hạt, 04 máy chẻ nan tre.

Chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn: Thanh lý 37 trạm cấp nước cũ; lập Kế hoạch Dự toán duy tu, sửa chữa các trạm cấp nước Long Hòa (huyện Châu Thành) và trạm cấp nước Tân Hòa (huyện Tiểu Cần); triển khai lắp đặt đường ống dẫn nước sinh hoạt cho hộ nghèo ở các xã Phước Hảo, Đa Lộc, Hòa Minh (huyện Châu Thành) và xã Mỹ Cẩm (huyện Càng Long), đạt trên 80% khối lượng; hoàn tất các thủ tục đấu thầu mua 60 tấn PAC dùng cho xử lý nước tại các trạm cấp nước sử dụng nước mặt huyện Càng Long và huyện Châu Thành; 24,75 tấn clo bột dùng cho xử lý nước tại các trạm cấp nước trên địa bàn tỉnh do đơn vị quản lý vận hành khai thác và 4.000 đồng hồ nước; duy trì hoạt động cấp nước tại 162 trạm; tiếp tục mở rộng tuyến ống và lắp mới đồng hồ nước cho 570 hộ, nâng tổng số đến nay lắp mới đồng hồ nước cho 113.631 hộ.

3. Xây dựng cơ bản: Tiếp tục theo dõi tình hình triển khai thực hiện 29 dự án (04 dự án hoàn thành, 16 dự án chuyên tiếp và 09 dự án khởi công mới), gồm: 06 công trình phục vụ nuôi thủy sản; 12 công trình đê, kè; 11 công trình dân dụng; giải ngân 106,9 tỷ đồng, đạt 18% kế hoạch vốn phân bổ.

4. Công tác thủy lợi, phòng chống thiên tai (PCTT)

Đến nay các địa phương tổ chức thực hiện 484 công trình thủy lợi nội đồng, chiều dài 298.992 m, khối lượng 993.160 m³, đạt 100% kế hoạch. Nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng 04 công trình nạo vét kênh khắc phục hạn mặn năm 2017 của huyện Trà Cú và nạo vét kênh cấp II trên địa bàn tỉnh; công trình xử lý sục lún, hư hỏng 60 vị trí mái kè bảo vệ đoạn xung yếu bờ biển xã Hiệp Thạnh, thị xã Duyên Hải; xử lý sục lún 04 vị trí phát sinh mái kè bảo vệ đoạn xung yếu bờ biển xã Hiệp Thạnh; báo cáo tình hình hư hỏng bê tông trụ cầu Xếp Phụng qua tuyến đê Tả hữu sông Cổ Chiên xã Hòa Minh, huyện Châu Thành; tổ chức 20 đợt kiểm tra tình hình đê điều, kiểm tra phát hiện 05 trường hợp vi phạm hành lang bảo vệ đê điều, đã tiến hành xử lý theo quy định. Sóng to kết hợp triều cường đợt đầu tháng 11 gây sạt lở khoảng 120m Kè rọ đá xã Hiệp Thạnh, địa phương đang huy động nhân lực, vật lực để khắc phục.

Từ đầu năm đến nay đã thu quỹ PCTT được 6,62 tỷ đồng, trong đó, nộp bổ sung năm 2017 là 403,28 triệu đồng, nộp theo chỉ tiêu 2018 là 6,22 tỷ đồng, đạt 53,7% kế hoạch.

5. Công tác thanh tra, kiểm tra và quản lý tàu cá:

Thanh tra, kiểm tra chuyên ngành: Thanh tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về vật tư nông nghiệp đối với 148 cơ sở, thu 62 mẫu vật tư nông nghiệp, thực phẩm, thủy sản để kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa và chỉ tiêu an toàn thực phẩm; ra quyết định xử phạt 22 trường hợp vi phạm. Nâng tổng số đã thanh tra 969 lượt cơ sở, phương tiện, thu 308 mẫu vật tư nông nghiệp để kiểm tra chất lượng; ra quyết định xử phạt 131 trường hợp vi phạm theo đúng quy định pháp luật.

Quản lý tàu cá: Kiểm tra an toàn kỹ thuật 66 tàu, cấp phép đóng mới, cải hoán 09 tàu, đăng ký 17 tàu, cấp 20 sổ danh bạ (86 thuyền viên), cấp 64 giấy phép khai thác thủy sản, xoá bộ 03 tàu. Nâng đến nay kiểm tra an toàn kỹ thuật 592 tàu, cấp phép đóng mới, cải hoán 103 tàu, đăng ký 158 tàu, cấp 184 sổ danh bạ (784 thuyền viên), cấp 507 giấy phép khai thác thủy sản, xoá bộ 33 tàu, cấp 04 giấy chứng nhận an toàn thực phẩm. Kết hợp Bộ đội Biên phòng tỉnh và địa phương đảm bảo an ninh trật tự khu vực Cảng cá Láng Chim và Cảng cá Định An; chuẩn bị tốt nhất các điều kiện, sẵn sàng hỗ trợ ngư dân đưa tàu về nơi neo đậu an toàn khi xảy ra mưa bão. Tổ chức thu dịch vụ sử dụng cảng 723 lượt tàu, xe ra vào cảng, bốc dỡ 1.120 tấn hàng hoá và cho thuê mặt bằng với số tiền 174,7 triệu đồng; cấp 18 giấy chứng nhận thủy sản khai thác xuất khẩu, khối lượng 184 tấn. Nâng tổng số đến nay đã tổ chức thu dịch vụ sử dụng cảng 14.649 lượt tàu, xe ra vào cảng, bốc dỡ 18.891 tấn hàng hoá và cho thuê mặt bằng với số tiền 1,24 tỷ đồng; cấp 104 giấy chứng nhận thủy sản khai thác xuất khẩu, khối lượng 1.689 tấn; cấp sổ và hướng dẫn chủ tàu cá ghi nhật ký khai thác thủy sản cho 153 tàu cá công suất trên 90 CV.

6. Công tác bảo vệ thực vật, thú y, quản lý chất lượng nông lâm thủy sản và ATVSTP

a) Công tác bảo vệ thực vật:

Tổ chức 51 lớp tập huấn trồng rau an toàn, phòng trừ dịch hại trên các loại cây trồng cho 1.576 nông dân dự; tổ chức 03 chuyến khám bệnh lưu động trên cây trồng có 114 nông dân mang bệnh phẩm đến tư vấn; nhân nuôi 7.500 ong ký sinh trong phòng thí nghiệm làm nguồn để tập huấn cho nông dân cách nhân nuôi tại vườn dừa để khống chế bọ cánh cứng hại dừa. Lũy kế đến nay đã tổ chức 100 lớp tập huấn trồng rau an toàn, phòng trừ dịch hại trên các loại cây trồng; tổ chức 20 chuyến khám bệnh lưu động trên cây trồng có 655 nông dân mang bệnh phẩm đến tư vấn; nhân nuôi 346.250 ong ký sinh và 8.059 bọ đuôi kim phóng thích ra tự nhiên để quản lý bọ cánh cứng hại dừa.

Phối hợp với Công ty Syngenta Việt Nam tổ chức thực hiện chương trình “Môi trường sạch, cuộc sống xanh” ở các huyện Trà Cú, Châu Thành, Càng Long, Cầu Kè và Tiểu Cần, thu gom 7.283kg vỏ bao bì thuốc bảo vệ thực vật tiêu hủy theo quy định; tổng kết mô hình quản lý sâu bệnh tổng hợp trên dưa leo tại xã Tân Sơn huyện Trà Cú có 30 nông dân dự.

b) Công tác thú y:

Tiêm phòng cúm 483.507 gia cầm, LMLM 2.036 gia súc, vaccine tai xanh heo 1.500 con, bệnh dại 495 chó, mèo, các bệnh thường xuyên 124.225 gia súc và các loại vaccine khác 01 triệu liều. Nâng tổng số tiêm phòng cúm 3.341.584 gia

cầm (vượt 22% so diện tích), LMLM 28.155 gia súc (đàn bò đạt 16,4% so diện tích), vaccine tai xanh heo 2.800 con; phòng đại 14.389 chó, mèo, phòng các bệnh thường xuyên 1,6 triệu gia súc và các loại vaccine khác 05 triệu liều. Sử dụng 9.309 lít hóa chất thực hiện tháng vệ sinh tiêu độc khử trùng môi trường chăn nuôi đợt 2 cho 14,7 triệu m² chuồng trại của 274.856 lượt hộ chăn nuôi.

Kiểm dịch xuất, nhập tình 24.391 con gia súc, 302.000 con gia cầm và 82 tấn sản phẩm động vật; kiểm dịch 12 triệu con tôm sú giống, 183 triệu con tôm thẻ chân trắng. Nâng đến nay kiểm dịch xuất, nhập tình 406.640 con gia súc, 3 triệu con gia cầm và 768 tấn sản phẩm động vật; kiểm dịch 125 triệu con tôm sú giống, 1.569 triệu con tôm thẻ chân trắng; thực hiện 81 kỳ quan trắc, cảnh báo môi trường nước; thu 108 mẫu giáp xác phân tích phục vụ nuôi thủy sản (55 mẫu nhiễm đốm trắng).

c) Công tác quản lý chất lượng nông lâm thủy sản và ATVSTP

Công tác quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp: Tổ chức 03 lớp tập huấn kiến thức quản lý ATTP cho 50 cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông lâm thủy sản tại 02 huyện Duyên Hải và Tiểu Cần, cấp phát 156 bộ tài liệu. Nâng tổng số đến nay đã tổ chức 58 lớp tập huấn, tuyên truyền, có 2.393 lượt người, cấp phát 2.287 bộ tài liệu; sửa chữa, lắp đặt mới 20 pano tuyên truyền; thông tin trên Đài Truyền hình Trà Vinh 08 kỳ phân tích dư lượng chất độc hại trong nông sản để nhắc nhở cơ sở sản xuất và cảnh báo người tiêu dùng.

Kiểm tra, đánh giá 29 cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông lâm thủy sản, kết quả 29 cơ sở loại A; cấp 27 giấy chứng nhận đủ điều kiện bảo đảm ATTP và 20 giấy xác nhận kiến thức ATTP; tổ chức thu 83 mẫu nông sản thực phẩm phân tích, kiểm nghiệm giám sát dư lượng chất độc hại phát hiện 03 mẫu vi phạm. Nâng tổng số đến nay đã kiểm tra, đánh giá 239 cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông lâm thủy sản, kết quả 160 cơ sở loại A, 79 cơ sở loại B; cấp 89 giấy chứng nhận đủ điều kiện bảo đảm ATTP và 236 giấy xác nhận kiến thức ATTP; tổ chức thu 741 mẫu (281 mẫu nông sản, 460 mẫu thủy sản) nông sản thực phẩm phân tích, kiểm nghiệm chất lượng phát hiện 21 mẫu vi phạm.

7. Công tác khuyến nông và công tác giống

a) Công tác khuyến nông

Theo dõi, hướng dẫn kỹ thuật cho 28 hộ nhận nuôi 80 con bò sinh sản của Dự án ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ trong chăn nuôi bò thịt chất lượng cao, đã đào tạo 06 kỹ thuật viên, tập huấn cho 100 lượt nông dân và cấp giống hạt cỏ cho các hộ tham gia mô hình đến nay bò phát triển tốt, đã có 17 con được phối giống. Đề tài cam không hạt đã hoàn thành việc chọn hộ và đấu thầu cây giống, đang xây dựng bảng vẽ thiết kế nhà lưới.

Tổ chức 84 lớp tập huấn cho 2.463 lượt nông dân về kỹ thuật trồng lúa, trồng rau an toàn, trồng sen, kỹ thuật nuôi tôm sú, tôm thẻ, tôm thẻ siêu thâm canh; 01 cuộc hội thảo, tổng kết cho 27 lượt người dự; tư vấn trực tiếp 1.302 lượt hộ về kỹ thuật trồng trọt, chăn nuôi và nuôi thủy sản. Nâng tổng số đến nay đã tổ chức 439 lớp tập huấn cho 12.627 lượt nông dân trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản; 26 cuộc hội thảo, tổng kết cho 1.318 lượt người dự; tư vấn trực tiếp cho 9.683

lượt hộ về lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi và thủy sản; tiếp tục theo dõi 13 mô hình thuộc nguồn vốn sự nghiệp, khuyến nông quốc gia và các dự án kết hợp.

b) Công tác giống

Giống cây trồng: Vụ Thu Đông khảo nghiệm bộ giống sản xuất thử, gồm 14 giống của Viện lúa ĐBSCL, diện tích 0,4 ha, hiện trong giai đoạn làm đòng; chuẩn bị trồng cây thực hiện mô hình bơ sáp, gấc, xoài, chanh; tổ chức sản xuất 8,5 ha lúa giống cấp xác nhận 1, hiện lúa trong giai đoạn đòng, trổ, phát triển tốt; cung ứng 60 tấn lúa giống cấp xác nhận, 112 cây giống các loại. Lũy kế đến nay đã cung ứng trên 130,37 tấn lúa giống (12,3 tấn giống cấp nguyên chủng) và 8.201 cây giống các loại.

Giống thủy sản: Chăm sóc 1,7 triệu ấu trùng tôm càng xanh toàn đực; chăm sóc 3 triệu con cá tra bột; cung ứng, điều tiết 3,5 triệu con tôm các loại, 1,3 triệu con cá lóc, 15 ngàn con cua biển, 0,65 tấn cá các loại. Nâng tổng số từ đầu năm đến nay sản xuất được 2,8 triệu con tôm càng xanh toàn đực, 370 triệu con cá tra bột, 2,7 triệu con cá lóc giống; cung ứng, điều tiết 23,37 triệu con tôm các loại, 16,2 triệu con cá lóc, 2,76 triệu con cua biển, 17,4 tấn cá các loại.

Giống vật nuôi: Đầu tư mô hình nuôi vịt biển quy mô 400, hiện còn 337 con (hao hụt 63 con), đã tuyển loại thải lần 1, vịt được 4,5 tháng tuổi, trọng lượng trung bình 2,2kg và 09 con dê Boer sinh sản để cung cấp con giống cho địa phương, phát triển bình thường. Cung ứng 295 trứng và 390 con gà giống, nâng tổng số đến nay cung ứng 2.425 trứng và 5.811 con gà giống.

II. NHẬN XÉT ĐÁNH GIÁ

1. Mặt được

Diện tích trồng màu cao hơn cùng kỳ (1.584 ha), đặc biệt là rau màu thực phẩm; diện tích nuôi thủy sản được mở rộng cả vùng nước ngọt và vùng nước lợ, trong đó nuôi tôm tăng 2.947 ha; tổng sản lượng thủy sản tăng (nuôi trồng tăng 9.246 tấn; khai thác tăng 5.631 tấn).

Chủ động trong công tác phòng chống dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi nên các loại bệnh nguy hiểm tiếp tục được kiểm soát; giá bò và gia cầm ổn định ở mức khá nên lượng tái đàn tăng so cùng kỳ.

Chủ động và phối hợp tốt các địa phương trong việc hỗ trợ, tư vấn người nuôi thường xuyên theo dõi tình hình nuôi thủy sản, phòng, chống dịch bệnh và hướng dẫn xử lý kịp thời nên không lây lan ra diện rộng.

Công tác tư vấn, chuyển giao khoa học kỹ thuật được thực hiện thường xuyên, liên tục giúp cho người dân ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật mới vào sản xuất giúp nâng cao năng suất, chất lượng và sản lượng nông sản.

Công tác tuyên truyền xây dựng nông thôn mới ngày càng sâu rộng, huy động được sự tham gia của người dân góp phần đạt chỉ tiêu xây dựng huyện nông thôn mới; các công trình xây dựng cơ sở hạ tầng và đầu tư phát triển sản xuất trên địa bàn các xã tiếp tục thực hiện từng bước làm thay đổi được diện mạo và cải thiện điều kiện sống của dân cư nông thôn.

Công tác thanh, kiểm tra chuyên ngành được thực hiện thường xuyên nên hạn chế đến tình trạng vi phạm về vệ sinh an toàn thực phẩm, các quy định của

pháp luật về vật tư nông nghiệp, thuốc thú y, thú y thủy sản, hạn chế việc buôn bán hàng giả, hàng kém chất lượng.

2. Những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

Giá heo giống đang ở mức cao, người chăn nuôi chưa mạnh dạn đầu tư tái đàn nên tổng đàn giảm mạnh. Công tác tuyên truyền, vận động hộ chăn nuôi hưởng ứng việc xã hội hoá trong tiêm phòng chưa cao nên tỷ lệ tiêm phòng một số loại vaccine còn thấp

Việc triển khai thực hiện các lớp đào tạo nghề cho lao động nông thôn, dự án hỗ trợ ngành nghề nông thôn còn chậm; đổi mới các hình thức tổ chức sản xuất còn chậm, nhất là việc hỗ trợ các hợp tác xã kiểu mới.

Thủ tục đấu thầu các dự án phát triển nông thôn còn lúng túng và chậm thực hiện; sạt lở bờ biển xã Hiệp Thạnh tiếp tục xảy ra nhưng chưa có giải pháp khắc phục triệt để.

III. KẾ HOẠCH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ THÁNG 12

1. Công tác tham mưu, chỉ đạo điều hành

Tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh: Phê duyệt lại Quyết định ban hành về Quy định đơn giá bồi thường thiệt hại cây trồng, vật nuôi là thủy sản khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Trà Vinh; Quyết định bổ sung Quyết định 2023/QĐ-UBND ngày 26/9/2016 về việc ban hành Định mức kinh tế, kỹ thuật áp dụng đối với một số loại cây trồng, vật nuôi chính trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

Xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện các nhóm giải pháp chủ yếu và giao nhiệm vụ trong chỉ đạo, điều hành thực hiện kế hoạch phát triển nông nghiệp, nông thôn năm 2019 và kế hoạch phát triển nông nghiệp, nông thôn năm 2019.

Hoàn chỉnh báo cáo và tham mưu tổ chức Hội nghị tổng kết năm 2018 của ngành và phân khai chỉ tiêu kế hoạch năm 2019 cho các huyện, thị xã, thành phố.

Tham mưu tổ chức Hội nghị tổng kết nuôi thủy sản mùa vụ 2018 và triển khai kế hoạch vụ nuôi năm 2019.

2. Sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản và phát triển nông thôn:

a) Trồng trọt: Tập trung chăm sóc tốt diện tích lúa Thu Đông, Mùa; hướng dẫn nông dân phòng, trừ các đối tượng gây hại đảm bảo năng suất, sản lượng; vận động nông dân xuống giống lúa vụ Đông Xuân 2018 - 2019 theo lịch thời vụ khuyến cáo, tuyệt đối không kéo dài để hạn chế thiệt hại do ảnh hưởng của hạn mặn vào cuối vụ; tăng cường công tác dự tính, dự báo sâu bệnh, hướng dẫn nông dân phòng trị kịp thời; tiếp tục vận động nông dân chuyển đổi diện tích đất trồng lúa kém hiệu quả sang cây trồng khác có thị trường tiêu thụ và hiệu quả cao hơn theo Kế hoạch số 35/KH-UBND ngày 18/6/2018 của UBND tỉnh; vận động nông dân xuống giống màu phục vụ Tết Nguyên đán 2019; tổ chức tổng kết đánh giá các mô hình quản lý phòng trừ tổng hợp; theo dõi các mô hình trình diễn lúa lai; tập trung triển khai đánh giá, so sánh hiệu quả mô hình sản xuất lúa sử dụng phân bón thông minh đúng tiến độ.

b) Chăn nuôi: Tổ chức thực hiện kế hoạch tiêm phòng vắc xin cho đàn gia súc, gia cầm và kế hoạch phòng, chống bệnh dại những tháng cuối năm. Giám sát

tình hình dịch bệnh trên đàn vật nuôi, tuyên truyền sâu rộng về nguy cơ bùng phát dịch bệnh truyền nhiễm nguy hiểm trên đàn gia súc, gia cầm, đặc biệt là dịch bệnh cúm gia cầm, LMLM gia súc và dịch tả heo Châu Phi. Tiếp tục thu mẫu phân tích các mầm bệnh nguy hiểm tại các vùng nuôi thủy sản trọng điểm để cảnh báo, hướng dẫn người nuôi xử lý mầm bệnh. Tiếp tục triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ chăn nuôi nông hộ năm 2018, đồng thời chuẩn bị triển khai thực hiện kế hoạch năm 2019 theo Quyết định số 48/2016/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh; phối hợp địa phương tìm phương án hỗ trợ, giải quyết khó khăn cho HTX nuôi nghêu bị thiệt hại tại 02 huyện Châu Thành và Cầu Ngang.

c) Thủy sản: Khuyến cáo người nuôi vùng nước mặn, lợ thả giống tôm theo lịch thời vụ khuyến cáo năm 2019 trên địa bàn tỉnh; tăng cường quản lý chặt chẽ các khu nuôi tôm công nghiệp và siêu thâm canh tự phát ngoài vùng quy hoạch, tránh lây lan dịch bệnh và ô nhiễm môi trường làm ảnh hưởng đến toàn vùng. Thường xuyên quan trắc môi trường, thu mẫu giáp xác tại các điểm sông đầu nguồn, thông báo trên Đài Phát thanh - Truyền hình để người dân có kế hoạch quản lý ao nuôi; quản lý kiểm dịch giống nhập tỉnh và sản xuất tại địa phương.

d) Lâm nghiệp: Nhanh chóng hoàn chỉnh Dự án trồng rừng thay thế của Dự án cho luồng tàu có trọng tải lớn vào sông Hậu; sớm hoàn chỉnh quy định tạm thời nuôi chim yến trên địa bàn tỉnh; tiếp tục triển khai thực hiện kế hoạch tuyên truyền công tác bảo vệ và phát triển rừng; phối hợp với Công an tỉnh Trà Vinh kiểm tra, quản lý việc khai thác, mua bán, vận chuyển động vật hoang dã và các cơ sở gây nuôi động vật hoang dã trên địa bàn tỉnh; xây dựng quy định tạm thời việc nuôi chim yến trên địa bàn tỉnh.

đ) Phát triển nông thôn:

Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới: Dự Hội nghị triển khai Đề án, hỗ trợ thôn, bản, ấp xây dựng nông thôn mới và sơ kết Đề án thí điểm mô hình bảo vệ môi trường tại các xã khó khăn, khu vực biên giới, vùng núi, vùng bãi ngang ven biển và hải đảo tại tỉnh Gia Lai; phối hợp với Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh thực hiện 02 phóng sự về kết quả xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh; tổng hợp ý kiến đóng góp dự thảo Đề án huy động nguồn lực các nguồn lực trong xây dựng nông thôn mới. Hoàn thành báo cáo việc thực hiện văn bản của Trung ương tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn; hoàn chỉnh hồ sơ trình công nhận các xã đạt 19/19 tiêu chí; huyện Tiểu Cần đạt huyện nông thôn mới và thị xã Duyên Hải hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới; chuẩn bị nội dung phục vụ hội nghị tổng kết chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới năm 2018, triển khai kế hoạch năm 2019.

Chương trình bố trí dân cư: Phối hợp với Ủy ban nhân dân xã Trường Long Hòa, thị xã Duyên Hải tiếp tục vận động các hộ dân sớm di dời, xây dựng nhà vào nơi ở mới an toàn.

Kinh tế hợp tác: Khảo sát vị trí lắp đặt pano tuyên truyền về HTX nông nghiệp kiểu mới tại xã Tập Sơn, huyện Trà Cú; Hưng Mỹ, huyện Châu Thành; Phú Cần, huyện Tiểu Cần; xã Long Đức, thành phố Trà Vinh.

Nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn: Tiếp tục triển khai thực hiện Dự án Xử lý, cải thiện vệ sinh và môi trường nông thôn năm 2018 và mua ống, lắp đặt đường ống dẫn nước sinh hoạt cho hộ nghèo ở các xã Phước Hảo, Đa Lộc, Hòa Minh, huyện Châu Thành; xã Mỹ Cẩm, huyện Càng Long; mua 60 tấn PAC xử lý nước tại các trạm cấp nước sử dụng nước mặt huyện Càng Long và Châu Thành; dự toán mua 24,75 tấn clo bột dùng cho xử lý nước tại các trạm cấp nước trên địa bàn tỉnh; dự toán mua 4.000 đồng hồ nước; rà soát mạng lưới cấp nước sạch nông thôn, đề xuất mở rộng tuyến ống cung cấp nước sạch cho người dân; duy trì hoạt động cấp nước tại 129 trạm hiện có (giảm 33 trạm do thanh lý tài sản), tăng thêm 500 hộ sử dụng nước hợp vệ sinh.

3. Công tác chuyên môn

Công tác khoa học kỹ thuật: Tổ chức 20 lớp tập huấn hướng dẫn kỹ thuật về lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi và thủy sản; tiếp tục phân công cán bộ tư vấn trực tiếp kỹ thuật nuôi tôm nước lợ tại các huyện ven biển; phối hợp Bộ phận thường trực tại Nam Bộ - Trung tâm Khuyến nông Quốc gia tổ chức 02 lớp đào tạo TOT chuyên đề "*Hướng dẫn sản xuất lúa theo SRI, quản lý, vận hành và bảo dưỡng máy nông nghiệp*".

Chủ động phòng chống lụt bão, thiên tai, nhất là công tác tập huấn, tuyên truyền; theo dõi nắm sát diễn biến thời tiết, khí tượng thủy văn, đặc biệt là tình hình mưa, bão, lốc xoáy; thường xuyên kiểm tra đê điều, mực nước trong nội đồng, vận hành công ngăn triều cường, tiêu úng, kiểm soát mặn đảm bảo phục vụ tốt cho sản xuất. Xây dựng kế hoạch tổ chức, hướng dẫn thực hiện quy hoạch: Quy hoạch thủy lợi phục vụ nuôi trồng thủy sản tỉnh Trà Vinh đến năm 2020 và tầm nhìn đến 2030. Rà soát, bổ sung Quy hoạch thủy lợi phục vụ tái cơ cấu ngành nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Trà Vinh đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2035; tổ chức kiểm tra đánh giá, phân loại 13 cơ sở sản xuất kinh doanh nước sinh hoạt nông thôn đợt 2 năm 2018; tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh Phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình Duy tu, bảo dưỡng đê điều năm 2019 và phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng công trình Sửa chữa các cầu trên tuyến đê biển.

Tiếp tục tuyên truyền phổ biến các quy định về ATTP nông sản, thủy sản cho các cơ sở sản xuất kinh doanh thực phẩm nông sản, thủy sản, đặc biệt là chế biến, sản xuất thực phẩm trong những tháng cuối năm; hướng dẫn đăng ký, kiểm tra điều kiện đảm bảo ATVSTP; thu mẫu kiểm soát an toàn vệ sinh vùng thu hoạch nghêu, thu mẫu kiểm soát ATTP trong sản phẩm nông, thủy sản. Đồng thời, tổ chức xác nhận kiến thức ATTP cho các cơ sở sản xuất kinh doanh nông, thủy sản đã đăng ký.

Tiếp tục sản xuất, điều tiết cung ứng giống cây trồng, thủy sản; theo dõi các mô hình thực nghiệm, sản xuất giống đang thực hiện; chăm sóc đàn tôm, cá giống để xuất bán đạt chất lượng.

Tiếp tục thanh tra trách nhiệm 01 cuộc việc thực hiện pháp luật về phòng, chống tham nhũng đối với Chi cục Trồng trọt và BVTV; tổ chức 06 cuộc thanh tra, kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm đặc biệt là trong những tháng cuối năm; kiểm tra tình hình sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp, thú y thủy sản và giống thủy sản.

Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả các chính sách đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn như: Chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ theo Quyết định số 50/2014/QĐ-TTg; hỗ trợ áp dụng quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt theo Quyết định số 28/2015/QĐ-UBND; hỗ trợ bảo vệ đất trồng lúa theo Nghị định số 35/2015/NĐ-CP; hỗ trợ, phát triển HTX giai đoạn 2015 - 2020 theo Quyết định số 2261/QĐ-TTg; hỗ trợ tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo Nghị quyết 15/2016/NQ-HĐND;.... đồng thời tham mưu cụ thể hóa các Nghị định mới được Chính phủ ban hành như Nghị định số 57/2018/NĐ-CP, Nghị định số 58/2018/NĐ-CP, Nghị định số 83/2018/NĐ-CP, Nghị định số 98/2018/NĐ-CP để triển khai thực hiện trên địa bàn tỉnh.

Quản lý tốt tàu thuyền và xe ra vào cảng cá, đồng thời tổ chức thu dịch vụ sử dụng cảng đúng qui định; tăng cường hoạt động chứng nhận thủy sản khai thác xuất khẩu; phối hợp các địa phương theo dõi diễn biến thời tiết biển thông tin kịp thời cho ngư dân trong việc phòng, tránh trú bão.

Căn cứ vào chương trình công tác của Sở Nông nghiệp và PTNT yêu cầu thủ trưởng các đơn vị theo chức năng, nhiệm vụ được giao, xây dựng kế hoạch cụ thể để thực hiện./*nu'el*

Nơi nhận:

- Bộ NN-PTNT;
- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND, UBND tỉnh;
- Sở KH-ĐT, Cục Thống kê;
- GD, các PGĐ Sở;
- Các phòng, đơn vị thuộc Sở;
- Phòng NN và PTNT các huyện, TX, TP;
- Lưu: VT, KHTC.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Phạm Minh Truyền

BÁO CÁO 11 THÁNG VỀ SẢN XUẤT NÔNG, LÂM, DIÊM NGHIỆP, THỦY SẢN

(Ước đến ngày 15/11/2018)

STT	Chi tiêu	ĐVT	Thực hiện cùng kỳ năm 2017	KH vụ/năm 2018	TH tháng 11	Ước TH 11 tháng năm 2018	% so sánh với	
							Cùng kỳ	Kế hoạch
A	B	C	1	2	3	5	4=3/1	5=3/2
I.	CÂY HÀNG NĂM							
	Tổng DT gieo trồng	Ha	273.088	272.050	4.283	276.879	101,4%	101,8%
	Cây lương thực có hạt	Ha	225.166	221.650	1.807	227.112	100,9%	102,5%
1	Cây lúa	Ha						
	- Diện tích gieo sạ	Ha	220.997	216.650	1.433	223.243	101,0%	103,0%
	- Diện tích thu hoạch	Ha	146.019	216.650	17.063	150.138	102,8%	69,3%
	- Năng suất bình quân	Tạ/ha	53,40	53,22	50,09	59,09	110,7%	111,0%
	- Sản lượng	Tấn	779.757	1.153.000	85.472	887.214	113,8%	76,9%
	Trong đó:							
	Vụ mùa							
	- Diện tích gieo sạ	Ha	2.367	1.650		1.697	71,7%	102,8%
	- Diện tích thu hoạch	Ha	2.367	1.650		1.697	71,7%	102,8%
	- Năng suất bình quân	Tạ/ha	45,23	42,42		43,33	95,8%	102,1%
	- Sản lượng	tấn	10.705	7.000		7.353	68,7%	105,0%
	Vụ Đông - Xuân							
	- DT gieo sạ	ha	59.915	60.000		66.418	110,9%	110,7%
	- Diện tích thu hoạch	Ha	59.915	60.000		66.418	110,9%	110,7%
	- Năng suất bình quân	Tạ/ha	58,97	60,50		67,10	113,8%	110,9%
	- Sản lượng	tấn	353.296	363.000		445.658	126,1%	122,8%
	Vụ Hè Thu							
	- DT gieo sạ	Ha	77.037	77.000		75.856	98,5%	98,5%
	- Diện tích thu hoạch	Ha	77.037	77.000	10.956	75.856	98,5%	98,5%
	- Năng suất	Tạ/ha	50,11	51,04	50,23	53,19	106,2%	104,2%
	- Sản lượng	tấn	386.009	393.000	55.029	403.455	104,5%	102,7%
	Vụ Thu Đông							
	- Diện tích gieo sạ	Ha	81.677	78.000	1.433	79.272	97,1%	101,6%
	- Diện tích thu hoạch	Ha	6.700	78.000	6.107	6.167	92,0%	7,9%
	- Năng suất bình quân	Tạ/ha	44,40	50,00	49,85	49,86	112,3%	99,7%
	- Sản lượng	tấn	29.748	390.000	30.443	30.749	103,4%	7,9%
	Vụ mùa năm 2019							
	- Diện tích thu hoạch	Ha	1.697	1.600	106	1.752	103,3%	109,5%
	- Năng suất bình quân	Tạ/ha		45,00				
	- Sản lượng	tấn		7.200				
2	Cây màu							
	DT gieo trồng	Ha	52.091	55.400	2.850,5	53.636	103,0%	96,8%
	DT thu hoạch	Ha	41.145	51.800	4.721	44.459	108,1%	85,8%
	Sản lượng	Tấn	1.233.250	1.417.500	246.260	1.151.681	93,4%	81,2%
2.1	Màu lương thực							
	DT gieo trồng	Ha	6.699	7.750	541,7	6.413	95,7%	82,7%
	DT thu hoạch	Ha	6.032	7.750	906	6.103	101,2%	78,8%
	Sản lượng	Tấn	55.344	61.900	8.548	53.814	97,2%	86,9%
	Cây bắp							
	- Diện tích gieo trồng	Ha	4.168,68	5.000	375	3.870	92,8%	77,4%
	- Diện tích thu hoạch	"	3.710	5.000	500	3.733	100,6%	74,7%
	- Năng suất	Tạ/ha	54,71	54,0	55,1	55,5	101,5%	102,8%

STT	Chi tiêu	ĐVT	Thực hiện cùng kỳ năm 2017	KH vụ/năm 2018	TH tháng 11	Ước TH 11 tháng năm 2018	% so sánh với	
							Cùng kỳ	Kế hoạch
	- Sản lượng	Tấn	20.298	27.000	2.756	20.721	102,1%	76,7%
	Khoai lang							
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	1.238	1.200	42	1.206	97,5%	100,5%
	+ Diện tích thu hoạch	"	1.193	1.200	260	1.196	100,2%	99,6%
	+ Năng suất	Tạ/ha	172,87	158,3	173,9	173,5	100,4%	109,6%
	+ Sản lượng	Tấn	20.623	19.000	4.526	20.746	100,6%	109,2%
	Sắn							
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	822	950	78	821	99,9%	86,4%
	+ Diện tích thu hoạch	"	729	950	85	730	100,1%	76,8%
	+ Năng suất	Tạ/ha	151,20	157,9	138,1	160,0	105,8%	101,3%
	+ Sản lượng	Tấn	11.022	15.000	1.174	11.680	106,0%	77,9%
	Cây có củ khác							
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	471	600	47	516	109,6%	86,0%
	+ Diện tích thu hoạch	"	400	600	61	445	111,3%	74,2%
2.2	Cây thực phẩm							
	<i>DT gieo trồng</i>	Ha	27.786	30.750	1.597,8	32.122	115,6%	104,5%
	<i>DT thu hoạch</i>	Ha	23.699	30.750	1.032	27.680	116,8%	90,0%
	<i>Sản lượng</i>	Tấn	551.986	685.300	22.413	577.064	104,5%	84,2%
	Rau các loại							
	+ DT gieo trồng	Ha	27.192	30.000	1.575	31.584	116,2%	105,3%
	+ Diện tích thu hoạch	"	23.150	30.000	1.025	27.175	117,4%	90,6%
	+ Năng suất	Tạ/ha	238,00	228,0	218,6	212,0	89,1%	93,0%
	+ Sản lượng	Tấn	550.970	684.000	22.403	576.110	104,6%	84,2%
	Đậu các loại							
	+ DT gieo trồng	Ha	594	750	22	537	90,4%	71,6%
	+ Diện tích thu hoạch	"	549	750	7	505	92,0%	67,3%
	+ Năng suất	Tạ/ha	18,50	17,3	14,5	18,9	102,2%	109,0%
	+ Sản lượng	Tấn	1.016	1.300	10	954	94,0%	73,4%
2.3	Cây công nghiệp hàng năm							
	<i>DT gieo trồng</i>	Ha	12.216	13.300	281	11.350	92,9%	85,3%
	<i>DT thu hoạch</i>	Ha	11.414	13.300	2.783	10.676	93,5%	80,3%
	<i>Sản lượng</i>	Tấn	625.920	670.300	215.299	520.803	83,2%	77,7%
	Đậu phộng							
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	4.376	5.200	79	4.390	100,3%	84,4%
	+ Diện tích thu hoạch	"	4.222	5.200	650	4.374	103,6%	84,1%
	+ Năng suất	Tạ/ha	50,44	51,54	51,09	50,90	100,9%	98,8%
	+ Sản lượng	Tấn	21.293	26.800	3.322	22.260	104,5%	83,1%
	Mía							
	+ Diện tích trồng	Ha	5.457	5.600		4.515	82,7%	80,6%
	+ Diện tích thu hoạch	"	5.393	5.600	1.952	4.483	83,1%	80,0%
	+ Năng suất	Tạ/ha	1.085	1.100	1.078,5	1.067,0	98,3%	97,0%
	+ Sản lượng	Tấn	585.187	616.000	210.560	478.286	81,7%	77,6%
	Cây lác (cói)							
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	2.384	2.500	202	2.444	102,5%	97,8%
	+ Diện tích thu hoạch	"	1.800	2.500	180	1.820	101,1%	72,8%
	+ Năng suất	Tạ/ha	108,00	110,0	78,7	111,3	103,1%	101,2%
	+ Sản lượng	Tấn	19.440	27.500	1.417	20.257	104,2%	73,7%
2.4	Cây trồng khác							
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	5.389	3.600	430	3.752	69,6%	104,2%
	+ Diện tích thu hoạch	"	4.300	3.600	803	3.700	86,0%	102,8%
II	LÂM NGHIỆP							
	- DT rừng trồng tập trung	Ha	20	300		75	375,0%	25,0%

STT	Chi tiêu	ĐVT	Thực hiện cùng kỳ năm 2017	KH vụ/năm 2018	TH tháng 11	Ước TH 11 tháng năm 2018	% so sánh với	
							Cùng kỳ	Kế hoạch
	- Chăm sóc rừng	Ha	627	680		713	113,8%	104,9%
	- DT giao khoán bảo vệ	Ha	5.164	5.519		5.160	99,9%	93,5%
	- Số cây lâm nghiệp phân tán	1000 cây	50	50		125	4642,9%	156,0%
III	THỦY SẢN							
1	Tổng diện tích nuôi	Ha	36.618	52.000	1.270	39.237	107,2%	75,5%
1.1	Nuôi nước ngọt	"	3.497	3.500	352	3.925	112,2%	112,1%
	- Diện tích nuôi cá	"	2.393	2.000	325	2.230	93,2%	111,5%
	Trong đó: + Cá tra	"	34	50	3	65	192,0%	130,3%
	+ Cá lóc	"	275	270	15	251	91,1%	92,9%
	- Diện tích nuôi giáp xác	"	1.104	1.500	26	1.694	153,5%	113,0%
	Trong đó: tôm càng xanh	"	1.104	1.500	26	1.694	153,5%	113,0%
	- Diện tích nuôi khác	"						
1.2	Nuôi nước mặn, lợ	Ha	33.121,5	48.500	919	35.313	106,6%	72,8%
	- Diện tích nuôi giáp xác	"	32.454	47.500	919	34.451	106,2%	72,5%
	Trong đó: + Tôm sú	"	24.111	22.000	159	24.963	103,5%	113,5%
	+ Tôm thẻ chân trắng	"	6.238	7.500	228	7.742	124,1%	103,2%
	+ Cua biển	"	2.105	18.000	532	1.746	82,9%	9,7%
	- Diện tích nuôi khác (nghêu, sò huyết)	"	668	1.000	-	862	129,0%	86,2%
2	Tổng sản lượng thủy sản	Tấn	174.979	201.600	21.532	189.857	108,5%	94,2%
2.1	Tổng sản lượng nuôi	Tấn	104.075	126.900	14.518	113.321	108,9%	89,3%
2.1.1	Nuôi nước ngọt	Tấn	55.396	71.300	8.395	53.367	96,3%	74,8%
	- Sản lượng cá	"	54.692	70.000	8.189	51.787	94,7%	74,0%
	Trong đó: cá tra, cá ba sa	"	16.909	23.500	2.807	9.563	56,6%	40,7%
	Cá lóc	"	23.833	30.000	2.557	26.745	112,2%	89,2%
	- Sản lượng tôm càng xanh	"	704	1.300	206	1.580	224,3%	121,5%
	- Sản lượng thủy sản khác	"						
2.1.2	Nuôi nước mặn, lợ	Tấn	48.679	55.600	6.123	59.954	123,2%	107,8%
	- Sản lượng giáp xác nuôi	"	46.260	52.500	5.999	57.865	125,1%	110,2%
	Trong đó: + Tôm sú	"	11.507	11.800	1.408	12.205	106,1%	103,4%
	+ Tôm thẻ chân trắng	"	28.953	33.500	3.926	38.982	134,6%	116,4%
	+ Nuôi cua biển	"	5.800	7.200	665	6.678	115,1%	92,7%
	- Sản lượng thủy sản khác	"	2.419	3.100	124	2.089	86,4%	67,4%
2.2	Tổng sản lượng khai thác	Tấn	70.905	74.700	7.014	76.536	107,9%	102,5%
4.2.1	Khai thác biển	Tấn	60.399	63.100	6.283	65.896	109,1%	104,4%
	Trong đó: - Cá các loại	Tấn	25.589,9	26.000	3.081	27.959	109,3%	107,5%
	- Tôm các loại	Tấn	6.846,7	8.100	1.187	8.205	119,8%	101,3%
	- Thủy sản khác	"	27.962,4	29.000	2.014	29.732	106,3%	102,5%
4.2.2	Khai thác nội địa	Tấn	10.506	11.600	731	10.640	101,3%	91,7%
	Trong đó: - Cá các loại	"	5085,7	5.500	319	5.074	99,8%	92,3%
	- Tôm các loại	"	3134,98	3.500	254	3.113	99,3%	88,9%
	- Thủy sản khác	"	2.285	2.600	157	2.453	107,3%	94,3%
	* Tình hình thiệt hại tôm sú							
	- Tổng số hộ thả nuôi	Lượt hộ	21.386		378	22.469	105,1%	
	- Số hộ bị thiệt hại	Lượt hộ	2.036		110	1.760	86,4%	
	- Diện tích thả nuôi	Ha	24.111		160	24.964	103,5%	
	- Diện tích bị thiệt hại	Ha	892		37	688	77,1%	
	- Số con giống thả nuôi	Triệu con	1.738		40	1.660	95,5%	
	- Số con giống bị thiệt hại	Triệu con	180		9	147	81,5%	
	- Tỷ lệ con giống bị thiệt hại	%	10		22	9	85,3%	

STT	Chi tiêu	ĐVT	Thực hiện cùng kỳ năm 2017	KH vụ/năm 2018	TH tháng 11	Ước TH 11 tháng năm 2018	% so sánh với	
							Cùng kỳ	Kế hoạch
	<i>* Tình hình thiệt hại tôm thẻ chân trắng</i>							
	- Tổng số hộ thả nuôi	Lượt hộ	14.539		588	18.910	130,1%	
	- Số hộ bị thiệt hại	Lượt hộ	3.325		166	3.782	113,7%	
	- Diện tích thả nuôi	Ha	6.238		229	7.742	124,1%	
	- Diện tích bị thiệt hại	Ha	1.229		39	1.307	106,4%	
	- Số con giống thả nuôi	Triệu con	3.491		168	4.820	138,1%	
	- Số con giống bị thiệt hại	Triệu con	698		36	795	113,9%	
	- Tỷ lệ con giống bị thiệt hại	%	20		22	16	82,5%	